

# PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THAM GIA LIÊN KẾT CỦA CÁC HỘ TRỒNG CHÈ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

Bùi Xuân Nhã<sup>1</sup>, Phạm Thu Phương<sup>1</sup>, Mai Đình Quý<sup>1\*</sup>, Lê Na<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh

## TÓM TẮT

Chè là một trong những cây công nghiệp quan trọng của tỉnh Lâm Đồng, tuy nhiên gần đây diện tích canh tác chè có xu hướng giảm mạnh. Liên kết sản xuất là một giải pháp quan trọng để cải thiện vấn đề này. Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia liên kết sản xuất với hợp tác xã, doanh nghiệp của nông dân trong sản xuất chè tại tỉnh Lâm Đồng. Phân tích hồi quy logistic được áp dụng để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tham gia liên kết của nông hộ thông qua sử dụng dữ liệu thu thập được từ khảo sát 270 hộ sản xuất chè trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Kết quả hồi quy mô hình logistic chỉ ra có 5 yếu tố là trình độ học vấn, số lần tham gia tập huấn, chênh lệch giá chè, thu nhập của hộ, và khả năng tiêu thụ chè là các biến tác động tích cực đến việc tham gia liên kết sản xuất chè tại tỉnh Lâm Đồng. Trong đó thị trường đầu ra là yếu tố quan trọng nhất tác động đến việc tham gia liên kết trong sản xuất chè tại tỉnh Lâm Đồng. Để tăng khả năng tham gia liên kết trong sản xuất chè của hộ thì việc đảm bảo được thị trường đầu ra cho sản phẩm chè cùng với tăng cường nhiều lớp tập huấn là rất quan trọng.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, hợp tác xã, người sản xuất chè, tham gia liên kết.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lâm Đồng là một trong những tỉnh có diện tích trồng chè lớn của cả nước với diện tích khoảng 12.700 ha (Cục thống kê tỉnh Lâm Đồng, 2019). Trồng chè đã góp phần vào giải quyết việc làm cho nhiều lao động, xóa đói giảm nghèo, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc (Bùi Xuân Nhã và cộng sự, 2018). Tuy nhiên, tình hình canh tác chè ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay rất khó khăn do diện tích sản xuất manh mún, nhiều giống chè không đạt chất lượng, vấn đề lạm dụng thuốc trừ sâu, và giá cả đầu ra không ổn định (Sở NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng, 2019). Theo Cục thống kê tỉnh Lâm Đồng (2019), diện tích và sản lượng chè đang có xu hướng giảm, cụ thể diện tích năm 2016 là 19.522 ha nhưng năm 2018 còn 12.700 ha, kéo theo sản lượng giảm từ 225.478 tấn năm 2016 xuống 153.162 tấn năm 2018.

Tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm thiểu sự giảm sút về diện tích và đặc biệt là sản lượng, bằng việc áp dụng các mô hình sản xuất mang tính hiện đại để tăng năng suất, chất lượng và đảm bảo đời sống cho các hộ trồng chè, như áp dụng các loại giống cho năng suất và chất lượng cao hơn, áp dụng mô hình VietGAP (Bac et al., 2019), cũng như áp dụng các biện pháp liên kết để tận dụng các nguồn lực

trong sản xuất. Có nhiều phương pháp khác nhau để tăng hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, nhưng liên kết là phương pháp được áp dụng cho nhiều cây, con vì nó tận dụng được những tài nguyên sẵn có của địa phương. Liên kết trong sản xuất nông nghiệp để tăng giá trị và hiệu quả đã được nhiều nhà nghiên cứu thực hiện cũng như ứng dụng để triển khai, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng liên kết giúp các bên tăng hiệu quả sản xuất, tiêu thụ cũng như tăng số lượng và chất lượng của sản phẩm (Prakash, 2000; Kaplinsky & Morris, 2002; Lerman, và Ruben, 2005; Österberg và Nilsson, 2009). Trong sản xuất nông nghiệp có nhiều cách liên kết khác nhau như liên kết ngang, liên kết dọc và có nhiều giai đoạn liên kết như liên kết trong sản xuất, trong thu hoạch và trong tiêu thụ. Theo Lưu Tiến Dũng (2015) thì bản chất của liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp là một phần của liên kết kinh tế đã có một quá trình xâm nhập, hợp tác lẫn nhau, đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân và hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp. Để duy trì tốt sự liên kết trong sản xuất nông nghiệp đòi hỏi liên kết đó phải tạo ra kết quả tốt.

Hiện nay, tình trạng sản xuất chè nguyên liệu của người nông dân chưa có sự liên kết chặt chẽ với hợp tác xã cũng như các doanh nghiệp chế biến. Người sản xuất chè thì phần lớn họ tự mở

\*Corresponding author: maidingquy@hcmuaf.edu.vn

rộng diện tích canh tác chè và chọn giống chè không đạt chất lượng, trong khi đó doanh nghiệp chế biến thì không thu mua sản phẩm của người nông dân do chè không đảm bảo chất lượng. Vì vậy, liên kết là rất quan trọng và là một xu hướng bắt buộc trong bối cảnh cạnh tranh, đặc biệt đối với sản phẩm chè. Người sản xuất cần phải liên kết với hợp tác xã và với các doanh nghiệp cũng như chính quyền địa phương trong vấn đề sản xuất cũng như tiêu thụ chè. Xuất phát từ thực tiễn trên nghiên cứu này với mục tiêu là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia liên kết của nông hộ trong sản xuất chè tại tỉnh Lâm Đồng nhằm tìm giải pháp tăng cường liên kết nâng cao hiệu quả sản xuất chè nguyên liệu tại Lâm Đồng.

**2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Nghiên cứu tập trung vào các hộ trồng chè có liên kết và không có liên kết với doanh nghiệp chế biến chè hoặc các hợp tác xã tại địa bàn nghiên cứu. Các dữ liệu thứ cấp được thu thập từ Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng. Dữ liệu sơ cấp được khảo sát từ 270 hộ sản xuất chè bằng bảng câu hỏi cấu trúc tại huyện Bảo Lâm, TP. Bảo Lộc và TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Cách chọn quan sát mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng. Huyện Bảo Lâm, TP. Bảo Lộc và TP. Đà Lạt được chọn để khảo sát vì có số hộ trồng chè chiếm hơn 90% tổng số hộ trồng chè của Tỉnh (Sở NN & PTNT tỉnh Lâm Đồng, 2019). Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp phân tích hồi quy nhằm làm rõ thực trạng liên kết sản xuất chè búp tươi và các yếu tố ảnh

hưởng đến sự tham gia liên kết với các doanh nghiệp chế biến, hợp tác xã của nông hộ trong sản xuất chè tại tỉnh Lâm Đồng.

Phương pháp phân tích hồi quy được sử dụng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia liên kết của nông hộ trong sản xuất chè tại tỉnh Lâm Đồng. Hàm hồi quy logistic được sử dụng do về mặt lý thuyết nó tuân thủ quy luật phân phối nhị nguyên thể hiện được tính xác suất lựa chọn của người sản xuất chè. Mô hình được xác định như sau:

Mô hình được xác định như sau:

$$\text{Ln} \left[ \frac{P(Y=1)}{1-P(Y=1)} \right] = Z_i = \beta_0 + \beta_1 TUOI + \beta_2 HV + \beta_3 DT + \beta_4 KN + \beta_5 TH + \beta_6 CLG + \beta_7 TN + \beta_8 TT + e$$

Với P là khả năng tham gia liên kết (0 < P < 1);  $\beta_0$  là hệ số góc,  $\beta_i$ : là các hệ số hồi qui trong mô hình, e là sai số trong mô hình.

Theo Tran Chi Thien & Vu Quynh Nam, 2017; Đỗ Quang Giám và Trần Quang Trung, 2013; Österberg, P., & Nilsson, J., 2009 thì các yếu tố kinh tế - xã hội có khả năng tác động đến khả năng tham gia liên kết của nông hộ trong sản xuất chè là tuổi của chủ hộ (TUOI), trình độ học vấn của chủ hộ (HV), diện tích đất canh tác (DT), kinh nghiệm trồng chè (KN), số lần tập huấn (TH), chênh lệch giá chè giữa có và không có liên kết (CLG), thu nhập từ chè (TN), thị trường đầu ra (TT). Tất cả các biến trong mô hình có tác động tích cực và kỳ vọng đồng biến với khả năng tham gia liên kết của các hộ sản xuất chè tại tỉnh Lâm Đồng được trình bày trong bảng 1.

**Bảng 1. Mô tả các biến và kỳ vọng dấu trong mô hình hồi quy Logit**

Ký hiệu biến	Giải thích biến	Đơn vị tính	Kỳ vọng dấu
<b>Biến phụ thuộc</b>			
LK	Tham gia liên kết	Có: 1, Không: 0	
<b>Các biến độc lập</b>			
TUOI	Tuổi của chủ hộ	Tuổi	(+)
HV	Trình độ học vấn	Năm	(+)
DT	Diện tích đất canh tác	Ha/hộ	(+)
KN	Kinh nghiệm sản xuất chè	Năm	(+)
TH	Số lần tập huấn	Lần/năm	(+)
CLG	Chênh lệch giá chè	1000 đồng/kg	(+)
TN	Thu nhập của hộ	Triệu đồng/ha/năm	(+)
TT	Thị trường đầu ra	Mức độ 1: Rất khó khăn → 5: rất thuận lợi	(+)

*Nguồn: Phân tích và tổng hợp, 2019*

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Thực trạng tổ chức sản xuất chè tại tỉnh Lâm Đồng

Theo sở NN & PTNT tỉnh Lâm Đồng (2019), hiện nay tỉnh Lâm Đồng có 300 tổ hợp tác với 225 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp. Các HTX hoạt động chủ yếu là cung ứng dịch vụ cho thành viên nhằm phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Với các vùng chuyên canh cà phê, dâu tằm, chè, các HTX thường cung cấp dịch vụ đầu vào, cụ thể như: cung ứng vật tư, máy móc nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón; hướng dẫn, hỗ trợ quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc sản phẩm... Việc liên kết với HTX hoặc công ty chế biến chè đem lại lợi ích cho người trồng chè như đảm bảo đầu ra ổn định nhằm tăng thu nhập cho người trồng chè.

Hiện nay ở tỉnh Lâm Đồng có một số công ty chế biến chè của nước ngoài như: công ty TNHH Fusheng, Công ty TNHH HaiYih... sản xuất, chế biến và kinh doanh chè như: Olong, Kim Tuyên, Tử Quý và Ngọc Thúy, trong đó chè Olong chiếm 90%. Công suất chế biến bình quân 3,5 tấn chè búp tươi/ngày. Công ty FUSHENG có 60 ha đã thu hoạch và diện tích 40 ha liên kết sản xuất với gần 60 hộ nông dân. Trong khi đó công ty HaiYih đã liên kết sản xuất cùng 226 hộ sản xuất với khoảng 180 ha. Bên cạnh đó một số công ty trong nước như Công ty TNHH Thái Tài Nguyễn với 100 hộ nông dân tham gia chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm chè với diện tích khoảng 50 ha tại TP. Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm với sản lượng 750 tấn/năm; Công ty chè Cầu Đất hiện nay có 42 hộ dân tham gia liên kết với diện tích 40 ha và

có năng lực sản xuất 1,8 tấn chè Olong và 5 tấn chè cành các loại mỗi ngày nên sẽ tiêu thụ một phần khá lớn cho người dân (Sở NN & PTNT tỉnh Lâm Đồng, 2019).

Liên kết trong sản xuất và chế biến sẽ cho phép xóa bỏ hoặc ít nhất là giảm đáng kể các chi phí trung gian, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chế biến chè có nguồn cung về nguyên liệu ổn định về cả sản lượng và chất lượng với mức chi phí hợp lý để giảm giá thành và tăng chất lượng của sản phẩm cuối cùng, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế (Nguyễn Hữu Thọ và Bùi Thị Minh Hà, 2013). Tuy nhiên, phần lớn diện tích đất sản xuất chè của nông hộ tại tỉnh Lâm Đồng là nhỏ, phân bố không tập trung nằm rải rác ở nhiều khu vực nên việc áp dụng cơ giới hóa, bón phân phun thuốc đồng loạt rất khó thực hiện từ đó làm tăng chi phí, làm giảm hiệu quả kinh tế và kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng. Đây cũng chính là thách thức lớn trong việc liên kết và tăng cường liên kết trong sản xuất chè tại tỉnh Lâm Đồng.

#### 3.2. Các đặc điểm của mẫu khảo sát

Qua khảo sát 270 hộ nông dân canh tác chè có 206 hộ có tham gia liên kết chiếm tỷ lệ 76,3% trong đó có 97 hộ tham gia liên kết với doanh nghiệp chế biến và 109 hộ tham gia liên kết với hợp tác xã; trong khi đó có 64 hộ không tham gia liên kết chiếm tỷ lệ 23,7%. Hiện nay hình thức liên kết trong sản xuất chè phổ biến là liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp chế biến hoặc nông dân với hợp tác xã. Các hộ tham gia liên kết sản xuất nhằm đảm bảo được sự ổn định đầu vào và đầu ra trong sản xuất chè.

**Bảng 2. Thống kê về đặc điểm của mẫu khảo sát**

Các biến	Đơn vị đo lường	Trung bình	Trung vị	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất	Độ lệch chuẩn
LK	1: Có; 0: Không	0,76	0,00	1,00	0,00	0,48
TUOI	Tuổi	50,44	52	70	25	9,90
HV	Năm	8,47	9	16	0	2,85
DT	Ha/hộ	0,85	0,5	14	0,1	1,50
KN	Năm	20,03	9	60	2	9,13
TH	Lần/năm	1,58	1	6	0	1,24
CLG	Ngàn đồng/kg	10,40	8	38	2,5	8,51
TN	Triệu đồng/ha/năm	71,91	51,78	422,43	17,21	82,61
TT	Mức độ 1: Rất khó khăn → 5: rất thuận lợi	3,56	4,00	5,00	1,00	0,97

Nguồn: Phân tích và tổng hợp, 2019

Kết quả thống kê ở bảng 2 cho thấy, tuổi lao động có sự chênh lệch không nhiều giữa hai nhóm hộ, với độ tuổi trung bình hộ điều tra là 50,44 độ tuổi này đa số là những người có nhiều kinh nghiệm trong việc trồng chè. Về trình độ học vấn trung bình của cả hai nhóm hộ là 8,47 và có sự chênh lệch không đáng kể. Trình độ cao sẽ thuận lợi cho việc tiếp nhận các kiến thức mới trong việc trồng chè. Diện tích sản xuất trung bình của hai nhóm hộ là 0,85 ha, diện tích sản xuất nhỏ, manh mún là trở ngại lớn đến việc tham gia liên kết trong sản xuất chè. Kinh nghiệm trồng chè trung bình của hai nhóm hộ là 20,03 năm. Kinh nghiệm trồng chè giúp người sản xuất hiểu rõ về lợi ích của việc tham gia liên kết. Về tham gia tập huấn khuyến nông trung bình là 1,58 lần/năm tương đối ít, trong đó nhiều

hộ không tham gia tập huấn lần nào. Mức chênh lệch giá giữa hộ có tham gia liên kết và hộ không tham gia liên kết bình quân 10,4 ngàn đồng/kg. Việc tham gia liên kết giúp người nông dân ổn định giá cả đầu ra và thu nhập cao hơn so với hộ không tham gia liên kết. Thu nhập trung bình của hai nhóm hộ trồng chè là 71,91 triệu đồng/ha/năm, thu nhập lớn nhất là 422,43 triệu đồng/ha/năm, thu nhập nhỏ nhất là 17,21 triệu đồng/ha/năm. Thị trường đầu ra chè thể hiện mức độ đầu ra được đảm bảo trung bình là 3,56, có sự chênh lệch đáng kể giữa hai nhóm hộ có liên kết là 4,21 và không liên kết là 2,05.

**3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia liên kết của các hộ trồng chè ở tỉnh Lâm Đồng**

**Bảng 3. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy logit**

Các biến độc lập	Kí hiệu	Hệ số ước lượng	Độ lệch chuẩn	P> z
C (hằng số)	$\beta_0$	-5,421	-5,231	0,000
Tuổi (TUOI)	$\beta_1$	0,024	1,478	0,139
Trình độ học vấn (HV)	$\beta_2$	0,245***	4,090	0,000
Diện tích canh tác (DT)	$\beta_3$	0,024	0,218	0,827
Kinh nghiệm sản xuất (KN)	$\beta_4$	0,014	0,856	0,391
Tập huấn khuyến nông (TH)	$\beta_5$	0,246**	2,089	0,036
Chênh lệch giá chè (CLG)	$\beta_6$	0,079***	3,910	0,000
Thu nhập từ chè (TN)	$\beta_7$	0,002***	0,007	0,004
Thị trường đầu ra chè (TT)	$\beta_8$	2,126***	0,698	0,002
Loglikelihood = -147,319				
McFadden R-squared = 0,575				
Prob (LR statistic) = 0,0000				

*Nguồn: Kết quả ước lượng*

*Ghi chú: \*\*, \*\*\* là các ký hiệu có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức tương ứng  $\alpha = 5\%$  và  $1\%$*

Kết quả ước lượng ở bảng 3 cho thấy giá trị Prob (LR) là 0,000 điều này cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê về mặt tổng thể. Hệ số McFadden R-squared = 0,575 cho thấy các biến độc lập trong mô hình đã giải thích được 57,5% sự thay đổi của biến phụ thuộc. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy cho thấy các biến độc lập như trình độ học vấn, chênh lệch giá chè, thu nhập của hộ, và thị trường đầu ra chè có ý nghĩa thống kê ở mức  $\alpha$  tương ứng 1% và cùng dấu với kỳ vọng ban đầu. Biến số lần tham gia tập huấn có ý nghĩa thống kê ở mức  $\alpha$  tương ứng 5% và cùng dấu với kỳ vọng ban đầu. Trong khi

đó, các biến tuổi của chủ hộ, diện tích đất canh tác, kinh nghiệm sản xuất mặc dù cùng dấu với kỳ vọng ban đầu nhưng không có ý nghĩa thống kê. Diện tích đất canh tác không ảnh hưởng nhiều tới quyết định tham gia vào liên kết của nông hộ, họ không quan tâm nhiều đến vấn đề này, việc sản xuất trên diện tích nhỏ vừa tiết kiệm chi phí đầu tư vừa thuận lợi cho việc chăm sóc, tưới tiêu cho cây trồng. Kể cả kinh nghiệm và tuổi tác của chủ hộ cũng không ảnh hưởng đến nhận thức có tham gia liên kết, nó không ảnh hưởng đến suy nghĩ của người dân khi họ tham gia hay không tham gia vào liên kết.

Bảng 4. Phân tích tác động biên

Các biến độc lập	Kí hiệu	Hệ số tác động biên	Độ lệch chuẩn	z	P> z
C (hằng số)	$\beta_0$	-0,521	0,172	-3,03	0,003
Tuổi (TUOI)	$\beta_1$	0,005	0,003	1,56	0,124
Trình độ học vấn (HV)	$\beta_2$	0,042***	0,010	4,29	0,000
Diện tích canh tác (DT)	$\beta_3$	0,006	0,019	0,31	0,762
Kinh nghiệm sản xuất (KN)	$\beta_4$	0,003	0,003	0,86	0,390
Tập huấn khuyến nông (TH)	$\beta_5$	0,047**	0,003	2,08	0,038
Chênh lệch giá chè (CLG)	$\beta_6$	0,016***	0,018	4,54	0,000
Thu nhập từ chè (TN)	$\beta_7$	0,0008***	0,002	3,68	0,000
Thị trường đầu ra chè (TT)	$\beta_8$	0,087***	0,022	3,82	0,000

Nguồn: Kết quả ước lượng

Ghi chú: \*\*, \*\*\* là các ký hiệu có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức tương ứng  $\alpha = 5\%$  và  $1\%$

Kết quả phân tích tác động biên ở bảng 4 cho thấy chủ hộ có trình độ học vấn cao thì khả năng tham gia liên kết cao hơn những chủ hộ có trình độ học vấn thấp, do khả năng nhận thức được lợi ích của việc tham gia liên kết cũng như nắm bắt và vận dụng thông tin của họ. Nếu trình độ học vấn của các chủ hộ tăng thêm 1 năm thì hàm logit ước lượng trung bình sẽ tăng 0,245 đơn vị, tương đương với xác suất các hộ tham gia liên kết tăng 4,2% với điều kiện các yếu tố khác không thay đổi. Yếu tố thứ hai ảnh hưởng đến khả năng tham gia liên kết là số lần tham gia tập huấn của chủ hộ, kết quả ước lượng cho thấy các chủ hộ số lần tập huấn nhiều hơn thì tham gia liên kết cao hơn các chủ hộ ít tham gia tập huấn. Nếu số lần tập huấn của các chủ hộ tăng thêm 1 lần trong năm thì xác suất các hộ tham gia liên kết tăng 4,7% với điều kiện các yếu tố khác không thay đổi. Yếu tố tiếp theo ảnh hưởng đến khả năng tham gia liên kết là sự chênh lệch giá chè khi tham gia liên kết và không tham gia liên kết, kết quả ước lượng cho thấy nếu sự chênh lệch giá tăng thêm một ngàn đồng/kg chè thì với xác suất các hộ tham gia liên kết tăng 1,6% với điều kiện các yếu tố khác không thay đổi. Một yếu tố nữa ảnh hưởng đến việc tham gia liên kết sản xuất chè của hộ nông dân đó là thu nhập của hộ. Kết quả ước lượng cho thấy nếu thu nhập tăng thêm một triệu đồng thì xác suất họ sẽ tham gia liên kết tăng lên 0,08%, mặc dù rất nhỏ. Yếu tố cuối cùng là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến khả năng tham gia liên kết đó là thị trường đầu ra chè, đầu ra tiêu thụ chè càng thuận lợi thì xác suất tham gia liên kết càng cao. Kết quả ước lượng cho thấy nếu khả năng tiêu thụ chè tăng

thêm 1 đơn vị thì hàm logit ước lượng trung bình sẽ tăng 2,126 đơn vị, tương đương với xác suất các hộ tham gia liên kết tăng 8,7% với điều kiện các yếu tố khác không thay đổi, đây là yếu tố quan trọng nhất tác động đến việc tham gia liên kết trong sản xuất chè tại tỉnh Lâm Đồng.

### 3.4. Đề xuất giải pháp để gia tăng các liên kết trong sản xuất chè tại địa bàn nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu này đưa ra một số gợi ý giải pháp cho chính quyền địa phương để tăng cường liên kết gồm 2 nhóm:

Thứ nhất là nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức gồm: trình độ học vấn của hộ sản xuất và tăng cường tập huấn khuyến nông. Nếu hộ có trình độ học vấn cao thì tiếp thu về áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới thông qua các lớp tập huấn sẽ dễ dàng và thuận lợi hơn. Qua đó người sản xuất chè có thể gia tăng tham gia liên kết sản xuất với doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

Thứ hai là nhóm giải pháp về thị trường tiêu thụ: chênh lệch giá chè giữa hộ tham gia liên kết và không tham gia liên kết, thu nhập từ chè, thị trường đầu ra chè. Lợi nhuận từ trồng chè là yếu tố quan trọng đến mọi quyết định của hộ, trong đó giá chè sẽ ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận. Vì vậy đảm bảo được sự ổn định về đầu ra thông qua hợp đồng thì giải pháp quan trọng đối với sự phát triển của cây chè. Do đó, chính quyền địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi để người sản xuất chè và các doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với nhau thông qua hợp đồng đảm bảo đầu ra.

### 4. KẾT LUẬN

Thông qua khảo sát 270 hộ trồng chè có và không có liên kết sản xuất với hợp tác xã và các doanh nghiệp chế biến chè tại tỉnh Lâm Đồng

cho thấy các hộ có liên kết sản xuất đảm bảo được sự ổn định đầu vào và đầu ra trong sản xuất chè. Kết quả phân tích hồi quy logistic cho thấy các yếu tố ảnh hưởng tích cực đến liên kết sản xuất của người trồng chè bao gồm trình độ học vấn, số lần tham gia tập huấn, chênh lệch giá chè, thu nhập của hộ, và khả năng tiêu thụ chè trong đó khả năng tiêu thụ chè, số lần tập huấn và trình độ học vấn là các biến tác động lớn nhất đến việc tham gia liên kết sản xuất chè. Vì vậy để tăng khả năng tham gia liên kết trong sản xuất chè thì việc đảm bảo được thị trường đầu ra cho sản phẩm chè là rất quan trọng bên cạnh đó việc nâng cao trình độ và tăng cường nhiều lớp tập huấn là điều cần thiết. Chính quyền địa phương cùng với các hợp tác xã và doanh nghiệp chế biến chè cần quan tâm đến ổn định đầu ra và tổ chức thêm nhiều lớp tập huấn về kỹ thuật canh tác và ứng dụng công nghệ mới trong canh tác chè tại Lâm Đồng.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng (2019). Niên giám thống kê tỉnh Lâm Đồng 2018. Lâm Đồng.
2. Bac, H. V., Nanseki, T., & Chomei, Y. (2019). Impact of VietGAP Tea Production on Farmers' Income in Northern Vietnam. *Japanese Journal of Farm Management*, 56(4), 100-105
3. Bùi Xuân Nhã, Đặng Minh Phương, Lê Thị Bông, Nông Nguyễn Khánh Ngọc. (2018). Phân tích hiệu quả sản xuất cây chè ở tỉnh Lâm Đồng. *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp*, số 1/2018: 82-90.
4. Đỗ Quang Giám và Trần Quang Trung (2013). Đánh giá khả năng tham gia sản xuất theo hợp đồng của hộ nông dân vùng trung du miền núi Đông Bắc: Nghiên cứu với cây chè ở tỉnh Tuyên Quang. *Tạp chí Khoa học và Phát triển* 2013, tập 11, số 3: 447-457.
5. Kaplinsky, R and Morris, M. (2002). *A Handbook for value chain Research*. Brighton: Institute of development studies, University of Sussex.
6. Lerman, Z., & Ruben, R. (2005). *Why Nicaraguan peasants remain in agricultural production cooperatives* (No. 378-2016-21420).
7. Lưu Tiên Dũng (2015). *Efficiency of economic linkage between enterprises and farmers in the southeast region*. Conference Paper July 2015, Trường Đại học Lạc Hồng TP. HCM.
8. Nguyễn Hữu Thọ và Bùi Thị Minh Hà (2013). Chuỗi giá trị ngành chè tỉnh Thái Nguyên: Chi phí và lợi nhuận giữa các tác nhân. *Tạp chí Khoa học & Công Nghệ*, số 62, tr.139-144.
9. Österberg, P., & Nilsson, J. (2009). Members' perception of their participation in the governance of cooperatives: the key to trust and commitment in agricultural cooperatives. *Agribusiness: An International Journal*, 25(2), 181-197.
10. Prakash, D. (2000). *State of agricultural cooperatives in Asia*. International Cooperative Alliance.
11. Sở NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng (2019). Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp năm 2018 tại tỉnh Lâm Đồng.
12. Tran Chi Thien & Vu Quynh Nam (2017). Factors affecting possibility of joining cooperatives among tea farmers in tea professional villages in Thainguyen province. *Journal of Economics and Forecast*, (12), tr.47-50.

## **ANALYSIS OF FACTORS AFFECTING THE JOIN LINKAGE OF TEA FARMERS IN LAM DONG PROVINCE**

**Bui Xuan Nha<sup>1</sup>, Pham Thu Phuong<sup>1</sup>, Mai Dinh Quy<sup>1\*</sup>, Le Na<sup>1</sup>**

<sup>1</sup>*Nong Lam University of Ho Chi Minh City*

#### **SUMMARY**

Tea is one of the most important industrial plants in Lam Dong province, but recently tea cultivation has tended to decrease sharply. Linking production is an important solution to improve this problem. This study investigated the factors affecting the join linkage between tea farmers and cooperatives or enterprises on tea production in Lam Dong province. Logistic regression analysis was applied to determine factors affecting the household's linkage by using data collected from the survey of 270 farmers in Lam Dong province. Estimates of the logit model showed that there were 5 factors including household's education level, extension training, price difference, household's income, and output market conditions were significant factors affecting the join linkage on tea production in Lam Dong province. The output market is the most important factor affecting the join linkage of farmers in tea production in Lam Dong province. Therefore, in order to increase the ability to join linkage in tea production of household, it is important to ensure the output market for tea products, along with increasing training courses for tea farmers.

**Keywords:** Cooperative, enterprise, join linkage, tea farmer.

Ngày nhận bài : 28/5/2020

Ngày phản biện : 08/8/2020

Ngày quyết định đăng : 13/8/2020